TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 182/2023/DS-ST
Ngày 15-8-2023
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Biện Thị Nhung
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Thái Hoàng Bo
Ông Châu Hải Dương

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Toà án nhân dân huyện Đầm Dơi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa: Ông Dương Tấn Viễn – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 6 và 15 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm C1 khai vụ án dân sự thụ lý số: 280/2021/TLST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2021 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 162/2023/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1948 (có mặt)

Cư trú tại: Khóm 6, thị trấn ĐD, huyện ĐD, T Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn X là ông Phan Khánh D – Luật sư của trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước T CM (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Phạm Mỹ C, sinh năm 1960

Cư trú tại: Khóm 6, thị trấn ĐD, huyện ĐD, T Cà Mau.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Phạm Mỹ C là ông Tăng Tấn L, sinh năm 1990; cư trú tại: Số 190 QT, khóm A, phường B, thành phố CM, T CM (theo văn bản uỷ quyền ngày 27/6/2023 – có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Quốc T, sinh năm 1977 (vắng mặt)
2. Chị Nguyễn Lan C, sinh năm 1978 (vắng mặt)
3. Anh Trần Văn H, sinh năm 1978 (vắng mặt)
4. Chị Nguyễn Thuỳ T, sinh năm 1982 (vắng mặt)
5. Chị Nguyễn Thị B (vắng mặt)
6. Anh Nguyễn H V, sinh năm 2004 (vắng mặt)
7. Cháu Trần Ngọc L, sinh năm 2007
8. Cháu Trần Ngọc H, sinh năm 2007
9. Cháu Trần Ngọc T, sinh năm 2015

Người đại diện theo pháp luật của cháu L, H, T là chị Nguyễn Thị B và anh

Trần Văn H (vắng mặt).

10. Cháu Nguyễn Sơn C, sinh năm 2014

Người đại diện theo pháp luật của cháu C là chị Nguyễn Lan C (vắng mặt)

Cùng cư trú tại: Khóm 6, thị trấn ĐD, huyện ĐD, T Cà Mau.

11. Uỷ ban nhân dân huyện ĐD; địa chỉ: Khóm A, thị trấn ĐD, huyện ĐD, T Cà Mau (vắng mặt).

12. Bà Nguyễn Hồng N, sinh năm 1947; cư trú tại: Số 63, đường TV, phường HL, quận NK, Thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

13. Chị Phạm Xuân Nh, sinh năm 1969; cư trú tại: Số 34/18/10 đường số 07, phường 3, quận GV, Thành phố HCM (vắng mặt).

14. Chị Phạm Hồng Nh, sinh năm 1973; cư trú tại: Số 63, đường TV, phường HL, quận NK, Thành phố CT. Tạm trú: Số 44/3, đường Phan Bội C, phường BK, thành phố LX, T An Giang (vắng mặt).

15. Anh Phạm Minh Nh, sinh năm 1976; cư trú tại: Số 63, đường TV, phường H L, quận N K, Thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

16. Anh Phạm Bạch Nh, sinh năm 1980; cư trú tại: Số 63, đường TV, phường H L, quận N K, Thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

17. Ông Phạm Phước T; cư trú tại: Ấp TT, xã TD, huyện ĐD, T Cà Mau (vắng mặt).

18. Ông Phạm Minh H, sinh năm 1950; cư trú tại: Ấp TLA, xã Tạ AKN, huyện ĐD, T Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn ông Nguyễn Văn X trình bày:* Vào khoảng năm 1976, 1977 phần đất ông yêu cầu là rừng rậm, nước ngập, không có lộ giao thông. Do không có chỗ ở nên ông có đến Ủy ban nhân dân thị trấn ĐD xin chỗ ở thì được ông Ba M là chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn ĐD đồng ý cho ông ở. Sau khi ở được 4 năm thì ông Phạm Văn C, ông Phạm Văn K và ông Phạm Văn K1 cùng thân tộc có đến cúng mộ tổ tiên, ông C1, ông K, ông K1 có nói phần đất ông X đang ở là của ông bà tổ tiên nhưng cho ông ở để giữ gìn mồ mã, ngăn nước mặn và cho ông một nền đất diện tích ngang 05m, dài 30m. Ông đã cất nhà ở trên đất cho đến nay. Nay phần đất ông sử dụng bà Phạm Mỹ C làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông X không đồng ý, ông yêu cầu Tòa án giải quyết C1 nhận phần đất theo đo đạt thực tế là 107,2m^2 tọa lạc tại khóm 6, thị trấn ĐD, huyện ĐD thuộc quyền sử dụng của ông X. Đất có các phía tiếp giáp: Phía Đông giáp đất bà Đào Thị T, phía Tây giáp đất ông Lê Văn T, phía Nam giáp đất ông Lê Minh T, phía Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn L. Tại phiên toà ông X chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn đồng ý di dời nhà đi nơi khác, đồng ý nhận số tiền bà C hỗ trợ công sức đóng góp, thành quả lao động và chi phí di dời nhà đi nơi khác số tiền 200.000.000 đồng.

** Bị đơn bà Phạm Mỹ C có yêu cầu phản tố và người đại diện theo uỷ quyền trình bày:* Nguồn gốc đất là của ông Phạm Văn H khai phá trước năm 1945 diện tích 2.697 m^2, ông H sử dụng sau đó cho lại ông Phạm Văn P, ông P sử dụng đến năm 1962 thì chuyển nhượng lại cho ông Tô Văn M nhưng ông M không sử dụng mà chuyển nhượng lại cho ông Phạm Thành C (là cha ruột bà

Phạm Mỹ C), đến năm 1987 ông C cho lại toàn bộ cho bà C quản lý, sử dụng đất cho đến nay. Trên đất có chôn các ngôi mộ của ông bà sơ, ông bà cố, và chị ruột của của bà C. Trước đây ông C có cho ông X mượn phần đất diện tích khoảng 100m^2 để cất nhà ở và trông coi đất, khi cho mượn không lập biên bản chỉ thoả thuận bằng lời nói nhưng tại biên bản họp gia đình ngày 25/7/2019 anh em trong gia đình thống nhất giao toàn bộ phần đất cho bà C được toàn quyền quản lý, sử dụng. Tại cuộc họp này cũng có ông X, ông Nguyễn Văn Bì là cháu nội của ông Tô Văn M tham dự, ông X cũng thừa nhận là người mượn đất ở và xác định không còn quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trên đất. Ông X đồng ý giao lại đất cho bà C để làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, biên bản họp có trưởng khóm 6 và Uỷ ban nhân dân thị trấn ĐD xác nhận. Sau đó, đến ngày 07/01/2021 chính quyền địa phương có xác minh và có lấy ý kiến của khu dân cư, tại buổi làm việc ông X cũng đồng ý ký tên vào phiếu lấy ý kiến của khu dân cư thừa nhận là đất của bà C, từ đó bà C có liên hệ C nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện ĐD để tiến hành đo đạc và thực hiện các thủ tục cấp quyền sử dụng đất. Ngày 14/01/2021 ông X có gửi đơn yêu cầu tạm dừng việc cấp quyền sử dụng đất cho bà C, Uỷ ban nhân dân thị trấn có làm việc nhưng ông X không có giấy tờ chứng minh phần đất này là của ông X.

Phần đất tranh chấp trước đây vào năm 2000 ông Phạm Minh Đ làm thủ tục cấp quyền sử dụng toàn bộ phần đất bà C được ông C cho và yêu cầu toà án giải quyết buộc bà C trả đất, bà C không đồng ý và có khiếu nại việc cấp giấy chứng nhận cho ông Đ, qua xác minh của Uỷ ban nhân dân huyện Đầm Dơi thì ông Đường không có một trong các loại giấy tờ tại khoản 2 Điều 3 Nghị định 17/1999/NĐ-CP ngày 29/3/1999, ngày 04/11/2016 UBND huyện Đầm Dơi ban hành Quyết định số 81/QĐ-UBND về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Đ, sau đó ông Đ không yêu cầu trả đất.

Tại phiên toà người đại diện theo uỷ quyền của bà C trình bày: Phần đất tranh chấp có nguồn gốc là hương quả của gia đình bà C, biên bản họp thân tộc ông X thừa nhận mượn đất, tại phiếu lấy ý kiến dân cư ông X cũng thừa nhận đất của bà C, khi ông Đ được cấp quyền sử dụng thì chỉ có bà C là người khiếu nại về việc cấp đất cho ông Đường, ông X không có ý kiến. Nay đất thuộc quyền sử dụng của bà C nên bà C yêu cầu giải quyết công nhận phần đất theo đo đạc thực tế là 107,2m^2 tọa lạc tại khóm 6, thị trấn ĐD, huyện ĐD, đất có các phía tiếp giáp: Phía Đông giáp đất ông Hồ Minh T (Trần Thanh H), phía Tây và phía Bắc giáp đất bà Phạm Mỹ C, phía Nam giáp lộ xi M bê tông 4m. Buộc hộ gia đình ông X phải tháo dỡ nhà trả lại đất cho bà C. Bà C đồng ý hỗ trợ công sức đóng góp, thành quả lao động và chi phí di dời nhà đi nơi khác cho ông X số tiền 200.000.000 đồng.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Nguyễn Hồng N, anh Phạm Minh Nh, chị Phạm Xuân Nh, anh Phạm Bạch Nh, chị Phạm Hồng Nh thống nhất trình bày: Phần đất tranh chấp Uỷ ban nhân dân huyện ĐD (sau đây viết tắt là UBND huyện ĐD) cấp quyền sử dụng đất cho ông Phạm Minh Đ vào ngày 10/7/2000 tại thửa đất số 532, đất thổ cư 300m^2, đất lập vườn 1.860m^2. Do quá trình sử dụng bà C Chiếm dụng đất để ở. Năm 2016, UBND huyện ĐD ban hành Quyết định số 81/QĐ-UBND ngày 04/11/2016 thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Đ. Ngày

23/4/2021, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện ĐD có thông báo số 04 về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gửi cho hộ ông Đường. Sau khi nhận thông báo, gia đình đã ủy quyền cho chị Phạm Hồng Nh khiếu nại về việc thu hồi. Đến ngày 21/01/2022, chị Hồng Nh và đại diện Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện ĐD sau khi có đơn khiếu nại đã đồng ý cho hộ ông Đ làm thủ tục cấp lại quyền sử dụng đất cần phải thực hiện thủ tục thừa kế theo quy định. Yêu cầu Toà án giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông X và yêu cầu phản tố của bà C.

- *Uỷ ban nhân dân huyện ĐD trình bày:* Ông Phạm Minh Đường được Uỷ ban nhân dân huyện ĐD cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 10/7/2000 số giấy chứng nhận R098640 tại thửa đất số 532, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.860m^2 tại khóm 6, thị trấn ĐD. Ngày 26/3/2013 bà Phạm Mỹ C có đơn kiến nghị gửi Uỷ ban nhân dân huyện về việc xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phạm Minh Đường. Uỷ ban nhân dân huyện ban hành quyết định số 81/QĐ-UBND ngày 04/11/2016 thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Đường.

- *Ông Phạm Minh H trình bày:* Phần đất 2.697m^2 tại khóm 6, thị trấn ĐD ông nhường lại cho em là Phạm Mỹ C đứng tên quyền sử dụng theo biên bản họp thân tộc ngày 25/7/2019, ông không yêu cầu gì trong vụ án.

- *Ông Phạm Phước T:* Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và không có ý kiến trong vụ án.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn lại không có ý kiến trong vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông X trình bày: Ông X là người sử dụng đất ổn định, ngay tình, Công khai trên 45 năm, là người có nhu cầu sử dụng đất nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông X công nhận phần đất tranh chấp là của ông X.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự nên không có kiến nghị và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 203; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn X về việc C1 nhận phần đất theo đo đạc thực tế diện tích 107,2m^2 thuộc quyền sử dụng của ông X. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Phạm Mỹ C. C1 nhận phần đất diện tích 107,2m^2 thuộc quyền sử dụng của bà C. Ghi nhận sự tự nguyện của bà C về việc hỗ trợ cho ông X số tiền 200.000.000 đồng. Buộc ông X và các thành viên trong hộ gia đình ông X tháo dỡ, di dời nhà, C1 trình kiến trúc trên đất để trả lại đất cho bà C. Án phí dân sự sơ thẩm miễn cho ông X, bà C không phải chịu. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ông X phải chịu, bà C không phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi, ông Phạm Minh H, ông Phạm Phước T, bà Nguyễn Hồng N, anh Phạm Minh Nh, bà Phạm Xuân Nh, ông Phạm Bạch Nh, bà Phạm Hồng Nh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, các đương sự còn lại trong vụ án đã được Tòa án T tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Nội dung vụ án: Nguồn gốc đất do ông Phạm Văn Hàng khai phá năm 1945 sau đó cho lại ông Phạm Văn P sử dụng. Năm 1962, 1963 ông P chuyển nhượng lại cho ông Tô Văn M, sau đó ông M chuyển nhượng lại cho ông Phạm Thành C. Năm 1987 ông C cho lại bà Phạm Mỹ C sử dụng cho đến nay. Theo thẩm định thực tế phần đất tranh chấp có diện tích 107,2m^2 tọa lạc tại khóm 6, thị trấn ĐD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau, trên phần đất có một căn nhà của ông X.

Xét yêu cầu của các đương sự thấy rằng: Phần đất tranh chấp là một nền nhà thuộc một phần trong tổng diện tích đất bà C đang quản lý sử dụng. Vào ngày 10/7/2000 Ủy ban nhân dân huyện ĐD cấp quyền sử dụng cho ông Phạm Minh Đường tại thửa đất số 532, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.860m^2. Ngày 26/3/2013 bà Phạm Mỹ C có khiếu nại về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đường và được Ủy ban nH dân huyện Đầm Dơi giải quyết thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Đường tại quyết định số 81/QĐ-UBND ngày 04/11/2016, ông Đ có khởi kiện bà C tại Tòa án vào năm 2010 nhưng sau đó rút đơn khởi kiện. Xét lời trình bày của ông Nguyễn Văn X cho rằng ông về ở trên đất từ năm 1976 nhưng ông X không cung cấp được văn bản xác định phần đất này ông được cơ quan có thẩm quyền giao đất hay cá nhân tặng cho đất cho ông. Quá trình sử dụng đất trong thời gian dài hơn 40 năm ông X cũng không đứng tên đăng ký kê khai phần đất ông đang quản lý, sử dụng mà người kê khai phần đất này lần lượt là ông Phạm Phước T và ông Phạm Minh Đ. Tuy nhiên, ông T và ông Đ cũng không quản lý, sử dụng đất. Tại phiên tòa, các đương sự đều xác định phần đất tranh chấp có nguồn gốc từ phía của gia đình bà C, trong thời gian ông X ở trên đất thì ông X cũng thừa nhận sau 4 năm (khoảng năm 1980) ông C, ông K, ông K có đến thông báo là đất của thân tộc ông C, ông K, ông K và giao ông X giữ mồ mã, khi này ông X cũng đã biết đất là của phía gia đình ông C1, ông K, ông K1. Tại biên bản họp thân tộc ngày 25/7/2019 tại nhà bà Phạm Mỹ C ông X cũng có tham gia, nội dung trong cuộc họp cũng thể hiện ông X là người ở nhờ trên đất và đồng ý để bà C thực hiện các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, việc này được ông Phạm Thanh Phong là người dân lân cận và ông Trương Hoàng Linh là trưởng khóm xác nhận quá trình họp thân tộc có ghi biên bản những người có mặt đều nghe đọc lại biên bản và thống nhất ký tên. Sau khi họp thân tộc đến ngày 07/01/2021 chính quyền địa phương khóm 6, thị trấn Đầm Dơi có lấy ý kiến của khu dân cư, ông X có ký tên và xác định đất của bà C. Do đó, có căn cứ xác định nguồn gốc đất tranh chấp là của thân tộc, cha ông của bà C, thực tế hiện nay trong tổng diện tích đất bà C quản lý thì vẫn còn các ngôi mộ của ông bà, chị của bà C chôn trên đất. Từ các nhận định nêu trên xác định có việc ông X có mượn đất để ở là thực tế, nay bà C đòi lại đất là có cơ sở nên được chấp nhận. Đối với căn nhà ông X cất trên đất, ông X đang sống cùng với các con và các cháu của ông X nên buộc hộ gia đình ông X phải tháo dở di dời nhà để hoàn trả đất cho bà C là phù

hợp. Tại phiên tòa, ông X chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn đồng ý di dời nhà đi nơi khác, đồng ý nhận số tiền bà C hỗ trợ công sức đóng góp, thành quả lao động và hi phí di dời nhà đi nơi khác số tiền 200.000.000 đồng. Xét thấy đây là sự tự nguyện thoả thuận giữa các đương sự nên được ghi nhận.

Từ các phân tích nêu trên nên xét đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp nên được chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà C không phải chịu, ông X là người Co tuổi cũng là hộ cận nghèo nên được miễn án phí theo quy định.

[4] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông X phải chịu, bà C không phải chịu, ông X đã dự nộp và thanh toán xong.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 91; khoản 2 Điều 92; Điều 147, Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào khoản 1 Điều 203 của Luật đất đai; Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn X về việc yêu cầu Công nhận phần đất theo đo đạt thực tế là 107,2m^2 tọa lạc tại khóm 6, thị trấn ĐD, huyện ĐD thuộc quyền sử dụng của ông X.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Phạm Mỹ C: Công nhận phần đất có diện tích 107,2m^2 thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà Phạm Mỹ C. Đất có các hướng tiếp giáp: Hướng Đông giáp đất ông Hồ Minh T (Trần Thanh H) gồm các điểm M3M4 dài 21,97m; Hướng Tây và hướng Bắc giáp đất bà Phạm Mỹ C đang quản lý, sử dụng điểm M1M2 dài 21,39m và M2M3 dài 5,73m; Hướng Nam giáp lộ xi M điểm M1M4 dài 4,18m, tọa lạc tại khóm 6, thị trấn ĐD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

Buộc hộ gia đình ông Nguyễn Văn X gồm: Ông Nguyễn Văn X, anh Nguyễn Quốc T, chị Nguyễn Lan C, anh Trần Văn H, chị Nguyễn Thuỳ T, chị Nguyễn Thị B, anh Nguyễn Hoàng V, cháu Trần Ngọc L, cháu Trần Ngọc H, cháu Trần Ngọc T, cháu Nguyễn Sơn C tháo dỡ và di dời nhà: 01 nhà trước diện tích ngang 4,8m, dài 11,7m, diện tích 56,16m^2, kết cấu nền lót gạch men, cột kèo bê tông cốt thép, mặt trước xây tường, mái tol lạnh, vách thiếc; 01 nhà sau ngang 5,9m, dài 9,5m, diện tích 56,05m^2, kết cấu nền lót gạch men, cột kèo bê tông cốt thép, vách tường xây gạch một mặt, mái típ lô xi M; 01 mái che ngang 5,9m, dài 1,4m, diện tích 8,26m^2 kết cấu cột kèo bằng cây gỗ địa phương, mái thiếc và C1 trình kiến trúc trên đất ra khỏi phần đất 107,2m^2 nêu trên.

3. Ghi nhận sự sự tự nguyện của bà Phạm Mỹ C hỗ trợ C1 sức đóng góp, thành quả lao động và chi phí di dời nhà, C1 trình kiến trúc trên đất đi nơi khác cho ông Nguyễn Văn X số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

Bà Phạm Mỹ C có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất nêu trên theo quy định của pháp luật *(kèm theo là mãnh đo đạc chỉnh lý thửa đất ngày 04/4/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đầm Dơi).*

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Mỹ C không phải chịu, ông Nguyễn Văn X được miễn án phí theo quy định.

5. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Bà Phạm Mỹ C không phải chịu, ông Nguyễn Văn X phải chịu 5.094.000 đồng (năm triệu không trăm chín mươi bốn nghìn đồng), ông X đã dự nộp và thanh toán xong.

Kể từ ngày người có quyền có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền nêu trên cho đến khi thi hành án xong, thì hàng tháng người phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Biện Thị Nhung